

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VÀ NĂNG LƯỢNG XANH VŨNG TÀU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VÀ NĂNG LƯỢNG XANH VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VUNG TAU GREEN ENERGY AND MARINE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VT GREEN ENERGY AND MARINE JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3502460292

3. Ngày thành lập: 08/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

298/3 Đường Phan Chu Trinh, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0909881807

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395(Chính)
2.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
3.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn các loại xăng, dầu, khí hóa lỏng (Gas); hóa phẩm, hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông) phục vụ ngành dầu khí, công nghiệp; các loại chế phẩm dầu mỏ khác; nhiên liệu sinh học	4661
4.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa. Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
7.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý)	6820
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên (Không hoạt động tại trụ sở)	0910
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0990
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
12.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

Thời gian đăng từ ngày 08/10/2021 đến ngày 07/11/2021

13.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
14.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Dịch vụ logistisc; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Đại lý vận tải hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không); Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
16.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)	5225
18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
20.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
21.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
22.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
23.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo nghề (không hoạt động tại trụ sở)	8532
24.	Sản xuất điện	3511
25.	Truyền tải và phân phối điện	3512
26.	Xây dựng nhà để ở	4101
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
29.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
30.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
31.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
32.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
33.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
34.	Xây dựng công trình thủy	4291
35.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
36.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4299
38.	Phá dỡ	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
43.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
44.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
45.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, ngành dầu khí; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng tàu thủy, ngành hàng hải; Bán buôn máy móc, thiết bị phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thiết bị hàn cắt, thiết bị nâng hạ; Bán buôn phương tiện chuyên dụng phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
49.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
51.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
52.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ buôn bán vàng miếng)	4662
53.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phương tiện thủy	4669
58.	Cho thuê xe có động cơ	7710
59.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
60.	Bán mô tô, xe máy	4541
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

62.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
63.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
64.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
65.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
66.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ NỮ PHƯƠNG TRINH	139/8 Huyện Trân Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Tổng số	250.000	2.500.000.000	50,000	0771860009 10	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	50,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		

2	TRẦN THỊ HÒA	1013/17 Đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	273505762	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
3	NGUYỄN HỮU CHƠN	618/61/56C Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	0460890000 16	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU CHƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 046089000016

Ngày cấp: 11/03/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư

Địa chỉ thường trú: 618/61/56C Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 618/61/56C Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu